

## BẢNG ĐIỂM

### Toán cơ sở(122.1)\_LT\_01

Học kỳ: 1\_2022-2023. Giảng viên: Phạm Thị Hải Châu

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Kiểm tra thường xuyên
1	225714020130092	ĐẶNG THỊ	MỸ	7.0
2	225714020130076	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	8.2
3	225714020130111	PHAN THỊ KHẨM	MY	7.6
4	225714020130165	NGUYỄN THỊ LÊ	NA	7.2
5	225714020130040	HỒ THỊ	NAM	7.4
6	225714020130045	TRẦN THỊ ÚT	NĂM	8.4
7	225714020130152	HỒ THỊ	NGA	7.8
8	225714020130048	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	9.0
9	225714020130027	NGUYỄN THỊ	NGÂN	8.3
10	225714020130019	HOÀNG THỊ BẢO	NGỌC	8.1
11	225714020130176	NGUYỄN THỊ	NGỌC	8.4
12	225714020130081	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGỌC	8.9
13	225714020130057	PHAN THỊ HỒNG	NGỌC	8.8
14	225714020130020	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	10.0
15	225714020130047	LŨ THỊ THẢO	NGUYỄN	7.7
16	225714020130038	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	8.3
17	225714020130116	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYỄN	10.0
18	225714020130065	HỒ THỊ THANH	NHÀN	8.3
19	225714020130120	HÀ VIỆN	NHI	7.8
20	225714020130013	HOÀNG LÊ THẢO	NHI	6.3
21	225714020130136	LÊ PHƯƠNG	NHI	7.3
22	225714020130042	LÊ THỊ KHÁNH	NHI	8.7
23	225714020130022	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	8.3
24	225714020130032	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	7.1
25	225714020130015	NGUYỄN THỊ HOA	NHƯ	7.6
26	225714020130100	NGUYỄN THỊ NHẬT	OANH	9.2
27	225714020130077	HOÀNG THỊ HÀ	PHƯƠNG	7.2
28	225714020130030	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	8.2

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Kiểm tra thường xuyên
29	225714020130055	NGUYỄN VÕ THÚY	PHƯƠNG	8.2
30	225714020130063	ĐẶNG THỊ	QUYÊN	8.1
31	225714020130115	HOÀNG THỊ THỤC	QUYÊN	9.1
32	225714020130093	PHẠM THỊ TÚ	QUYÊN	8.9
33	225714020130153	LÊ THỊ	QUỲNH	0.0
34	225714020130087	NGUYỄN THỊ	SƯƠNG	7.2
35	225714020130143	NGÔ THANH	TÂM	7.6
36	225714020130122	LÊ THỊ	THANH	7.3
37	225714020130181	LÔ PHƯƠNG	THẢO	0.0
38	225714020130131	LÔ THỊ THANH	THẢO	8.5
39	225714020130021	LÔ VI PHƯƠNG	THẢO	7.2
40	225714020130044	THÁI THỊ	THẢO	8.2
41	225714020130075	TRẦN THỊ BÍCH	THẨM	8.8
42	225714020130106	PHAN THỊ	THIỆN	7.6
43	225714020130129	NGÔ THỊ	THƠ	8.2
44	225714020130080	VI THỊ ÁNH	THƠ	7.5
45	225714020130163	NGUYỄN THỊ HÀ	TRANG	8.5
46	225714020130024	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	8.4
47	225714020130064	PHAN HÀ	TRANG	7.4
48	225714020130060	THÁI HUYỀN	TRANG	7.4
49	225714020130169	TRẦN HUYỀN	TRANG	6.7
50	225714020130167	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	8.6
51	225714020130067	TRẦN THỊ THỦY	TRANG	7.9
52	225714020130110	VÕ THỊ HUYỀN	TRANG	8.5
53	225714020130133	LÊ THỊ BẢO	TRÂM	7.9
54	225714020130154	VÀ Y MINH	TRÂM	7.5
55	225714020130029	VI THỊ NGỌC	TRÂM	8.2
56	225714020130168	HỒ THỊ CẨM	TÚ	7.8
57	225714020130079	NGUYỄN THỊ NGỌC	TÚ	8.0
58	225714020130033	NGUYỄN THỊ NGỌC	TÚ	7.8
59	225714020130008	NGUYỄN THỊ THANH	TÚ	7.4
60	225714020130068	TRẦN THỊ CẨM	TÚ	7.2
61	225714020130088	LÊ THỊ ÁNH	TUYẾT	8.3
62	225714020130002	PHẠM THỊ	TUYẾT	7.4
63	225714020130031	NGUYỄN THỊ	UYÊN	8.1
64	225714020130151	LO THỊ BẢO	VÂN	7.8

<b>TT</b>	<b>Mã học viên</b>	<b>Họ</b>	<b>Tên</b>	<b>Điểm Kiểm tra thường xuyên</b>
65	225714020130037	VŨ THỊ THÚY	VÂN	7.9
66	225714020130083	HOÀNG THỊ THUYỀN	VY	7.6

*Nghệ An, ngày 12 tháng 03 năm 2023*

**Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**